

**CÔNG TY TNHH STAK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH STAK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: STAK COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: STAK CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109691563

**3. Ngày thành lập:** 02/07/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 10, ngõ 477, đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983634791

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                                                                                               | 2013        |
| 2.  | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su                                                                                                                                                                                                                | 2211        |
| 3.  | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                                                                                                                                                                                                                   | 2219        |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                       | 2220        |
| 5.  | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                                                                                                                                                       | 2819        |
| 6.  | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                                                                                                      | 2822        |
| 7.  | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                      | 2829        |
| 8.  | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                               | 3290        |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                      | 4610        |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác | 4659(Chính) |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: Hạt, bột, bột nhão;<br>- Bán buôn cao su;<br>- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                   | 4669        |
| 12. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                  | 4690        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ súng, đạn, tem, vàng miếng và tiền kim khí)                                                                                                                                                                       | 4773 |
| 14. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                 | 4791 |
| 15. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                            | 4799 |
| 16. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                | 2591 |
| 17. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                    | 2592 |
| 18. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                                                                                                                     | 2593 |
| 19. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                     | 2599 |
| 20. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                              | 4649 |
| 21. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                             | 4651 |
| 22. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                              | 4652 |
| 23. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng)                                                                                                                                                                                                                       | 4662 |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                         | 4663 |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932 |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)                                                                                                                                                                                                    | 5229 |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                            | 4933 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                             | 8299 |
| 29. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                          | 7710 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

Thời gian đăng từ ngày 02/07/2021 đến ngày 01/08/2021

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ MINH TRÍ

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *12/07/1983*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001083002203*

Ngày cấp: *11/06/2014*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *Số 10, ngõ 477, đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 10, ngõ 477, đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội